

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Phạm Văn Búa¹

ABSTRACT

Khmer people in the Mekong Delta is an inseparable part in the fifty - four Vietnamese ethnic group community as well as an important unit in the bloc of great national unity. The most prominent and greatest religious belief of the Khmer people is Theravada Buddhism (Phật Giáo Nam Tông). This article generalizes and systematizes religious policies of the Vietnamese Communist Party, in general, and of the Party Committee in provinces and cities in the Mekong Delta, in particular to the Khmer people in order to confirm and enhance the great national unity. The article also confirms several positive changes in Khmer people's mental and material life as well as points out some problems to be solved. On the basis of that, the author suggests potential solutions for the Khmer people who follow Theravada Buddhism.

Keywords: *Khmer people, great national unity, religion, Mekong Delta*

Title: *Block great national unity in the mekong delta*

TÓM TẮT

Đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận không tách rời trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, là một bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Tín ngưỡng tôn giáo độc tôn và lớn nhất của đồng bào Khmer là Phật giáo Nam tông. Bài viết khái quát và hệ thống các chính sách về tôn giáo của Đảng ta nói chung và Đảng bộ các tỉnh thành Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng đối với đồng bào Khmer nhằm góp phần củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Khẳng định những chuyển biến tích cực trong đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer và chỉ ra những tồn tại cần khắc phục. Trên cơ sở đó, nêu ra một số kiến nghị thuộc về giải pháp đối với đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông.

Từ khóa: *Khmer, Đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo, đồng bằng sông Cửu Long*

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề dân tộc và tôn giáo là vấn đề quan trọng, liên quan đến việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin quan tâm rất sớm. Đồng thời đó cũng là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam trong tư tưởng Hồ Chí Minh, được quán triệt trong toàn bộ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách tôn giáo đối với đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long.

Người Khmer đồng bằng sông Cửu Long là một bộ phận không tách rời trong cộng đồng 54 dân tộc anh em, là một bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất cực Nam của Tổ quốc, với diện tích tự nhiên 39.842km², dân số khoảng 18 triệu người, gồm 4 dân tộc chính: Kinh,

¹ Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Cần Thơ

Khmer, Hoa và Chăm. Đã bao đời nay, các dân tộc trải qua quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hoá lâu dài, cùng đoàn kết, giúp đỡ nhau trong quá trình khai khẩn đất đai. Chính điều đó đã tạo nên một diện mạo văn hóa vùng vừa có những nét chung hòa đồng, vừa mang những nét riêng rất đậm đà, sắc nét. Tất cả các dân tộc ở đây đều có chung nét nổi bật là tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, ý chí cố kết cộng đồng, ý thức tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo trong lao động và chiến đấu.

2 NỘI DUNG

2.1 Phật giáo Nam tông-tín ngưỡng tôn giáo độc tôn trong đời sống tinh thần của người Khmer

Địa bàn cư trú của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long vừa chịu tác động của lịch sử tộc người, điều kiện địa lý môi sinh nên tập trung chủ yếu ở 3 vùng chính: vùng Trà Vinh và một phần Vĩnh Long, vùng Sóc Trăng, vùng biên giới Châu Đốc (An Giang) kéo dài đến Rạch Giá. Dân số Khmer hiện nay có hơn 1 triệu người, đứng thứ hai ở khu vực Nam bộ (sau người kinh). Trong đó đông nhất là ở ba tỉnh: Trà Vinh (chiếm khoảng 30% dân số tỉnh), Sóc Trăng (khoảng 29% dân số tỉnh), Kiên Giang (13% dân số tỉnh). Sản xuất chính của người Khmer là nông nghiệp. Đơn vị cư trú là Phum, Sóc. Tuy nhiên, do tác động của xã hội hiện đại, xu thế đan xen, hoà nhập giữa các dân tộc ở đây ngày càng phổ biến. Tín ngưỡng tôn giáo độc tôn và lớn nhất của đồng bào Khmer là Phật giáo Nam tông (Phật giáo Tiểu thừa). Một số rất ít theo đạo Thiên Chúa và Tin Lành. Phật giáo Nam tông Khmer đề cao vai trò con người với triết lý sống “*từ bi, hỷ xả- vô ngã vị tha*”, tôn trọng sự bình đẳng, tự do, bác ái. Việc quản lý xã hội truyền thống của người Khmer theo một cơ chế vận hành đặc biệt, bao gồm quyền lực cộng đồng và vai trò của Phật giáo tiểu thừa. Thông thường, mỗi Phum, Sóc có một hoặc hai ngôi chùa, đây là trung tâm sinh hoạt tôn giáo, chính trị, văn hoá, xã hội của Phum, Sóc. Chùa Khmer còn là trường học nhằm nâng cao dân trí; là bảo tàng văn hóa, nghệ thuật; là công trình kiến trúc và cơ sở dạy nghề. Chùa Khmer còn là cơ sở kinh tế, cơ sở từ thiện để giúp đỡ những người không nơi nương tựa. Cho nên, Phật giáo Nam tông đã chi phối sâu sắc đến mọi mặt đời sống văn hóa, xã hội, tâm linh và truyền thống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác, nét đặc trưng riêng của văn hoá Khmer là sự đan xen, hòa quyện giữa văn hóa Bà la môn giáo và văn hoá Phật giáo. Điều đó, tạo nên lối sống kín đáo nhưng rất phóng khoáng, quý trọng những việc làm thánh thiện và ý thức cộng đồng dân tộc của đồng bào Khmer. Có thể nói, người Khmer từ lúc sinh ra mặc nhiên được xem là một tín đồ Phật giáo cho đến khi lớn lên được giáo dục theo tinh thần đạo lý nhà phật và gắn bó với ngôi chùa dựa trên quan niệm truyền thống “*Sống gói thân, chết gói cốt*”. Người nam giới Khmer vào chùa đi tu vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ nhưng cũng là vinh dự và thước đo nhân cách của họ. Người đi tu phải giữ giới luật nghiêm ngặt, nếu là Sadi phải giữ 105 giới, Tỳ khiêu phải giữ 227 giới. Đặc biệt, nhà sư Khmer có vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống xã hội và tâm linh của người Khmer. Sư sãi được cộng đồng nể trọng, bởi lẽ, theo quan niệm của người Khmer, nhà sư là cầu nối giữa tín đồ với đức Phật, đồng thời là người đại diện cho đức Phật để chứng giám những hành động, lòng thành kính của tín đồ. Do đó, tất cả mọi việc từ việc lớn đến việc nhỏ như làm nhà, cưới, hỏi, ... tín đồ

thường hỏi ý kiến của các sư sãi. Hiện nay, ở đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 435 chùa và gần 10.000 sư tăng Nam tông Khmer, được phân bố cụ thể như sau: An Giang 64 chùa, Bạc Liêu 22 chùa, Cần Thơ 26 chùa, Cà Mau 6 chùa, Kiên Giang 73 chùa, Sóc Trăng 90 chùa, Trà Vinh 141 chùa, Vĩnh Long 13 chùa. Tính bình quân 2500 người Khmer có một ngôi chùa và khoảng 128000 người có một nhà sư. Tổ chức thống nhất là Giáo hội Phật giáo Khmer (Giáo hội Phật giáo Theravada) thực hiện các nghi lễ tôn giáo, giáo lý giáo luật, tổ chức, đào tạo, cất nhắc chức sắc, thưởng phạt v.v..

Phật giáo Nam tông Khmer là tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử. Đồng bào Khmer và tín đồ Phật giáo Nam tông đã sát cánh cùng cộng đồng các dân tộc khác chung lưng khai phá, xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, đại đa số sư sãi và đồng bào Khmer đã đi theo cách mạng, nhiều chùa Phật giáo Nam tông đã từng là nơi nuôi dưỡng cán bộ, nhiều sư sãi Khmer đã tích cực tham gia hoạt động cách mạng, có nhiều người đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Qua 20 năm đổi mới đất nước, đa số sư sãi và tín đồ Phật giáo Nam tông đã tỏ rõ tư tưởng yêu nước, gắn bó với dân tộc và Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, chăm lo tu hành, tin tưởng vào chủ trương, chính sách đoàn kết dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước và hoạt động theo đúng đường hướng hành đạo của Giáo hội. Chùa chiền và sư sãi Khmer vẫn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào dân tộc. Sư sãi Khmer vẫn là trung tâm đoàn kết cộng đồng, là người hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, bất hoà trong Phum, Sóc. Chùa chiền Khmer không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh mà còn là nơi tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, là trường học dạy chữ, dạy cách làm người cho con em đồng bào Khmer. Mặt khác, sự gắn bó tự nhiên giữa cộng đồng dân tộc Khmer với Phật giáo Nam tông qua quá trình lịch sử lâu đời là nhân tố thuận lợi tạo nên sự cố kết cộng đồng, góp phần ổn định xã hội tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, thực trạng đáng lo ngại của Phật giáo Nam tông Khmer trong những năm gần đây là nhiều nam thanh niên không muốn vào chùa tu, hoặc chỉ mang hình thức nhằm trả nợ; việc đào tạo tăng tài ít được quan tâm. Trước đây, phần lớn các sư tăng Khmer là người cao tuổi, có đạo hạnh, uy tín đối với cộng đồng, nhưng hiện nay phần lớn sư tăng còn trẻ, trình độ còn hạn chế, hiểu biết pháp luật không nhiều nên ít có uy tín trong cộng đồng người Khmer, phần đông không thành thạo chữ Pali. Qua khảo sát, hiện có tới 70% sư sãi chỉ có trình độ phổ thông cơ sở, 10% số sư không biết chữ quốc ngữ, số sư có trình độ trung cấp Phật học rất ít. Tính từ khoá I (1984-1988) đến khoá V (2002-2006), Học viện Phật giáo Việt Nam Phân hiệu thành phố Hồ Chí Minh mới có 16 sư Nam tông Khmer theo học. Điều đó làm hạn chế việc tiếp nhận, truyền bá Phật pháp và chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thêm vào đó, chùa Phật giáo Nam tông đang bị xuống cấp; kinh sách phục vụ cho việc tu học thiếu nghiêm trọng (hầu hết được xuất bản trước năm 1975). Đầu năm 2005, Chính phủ đã hỗ trợ Giáo hội Phật giáo Việt Nam in 6 cuốn kinh bằng chữ Khmer phát đến các chùa Nam tông nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tu học của sư sãi. Mặt khác, do bị tác động bằng nhiều hình thức khác nhau, một bộ phận tín đồ rời bỏ Phật giáo Nam tông truyền thống để gia nhập đạo Công giáo và Tin lành gây nên những xáo trộn tâm lý, tình cảm, tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi

dụng chống phá. Chúng lợi dụng vấn đề lịch sử vùng đất, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Nhà nước ta, sự bình yên của đồng bào. Hơn nữa, đời sống của đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long còn đang ở mức thấp so với mặt bằng chung của cả nước và so với cộng đồng các dân tộc khác trong khu vực. Trong khi đó các chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đủ sức giải quyết căn bản các vấn đề xã hội trong điều kiện tự phát của kinh tế thị trường tạo điều kiện cho các thế lực thù địch xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ngoài những nguyên nhân khách quan, hạn chế trên còn do hoạt động của hệ thống chính trị tại các vùng có đồng bào Khmer sinh sống còn kém hiệu quả, công tác dân tộc - tôn giáo chưa được quan tâm đúng mức, việc quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ người Khmer chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

2.2 Chính sách tôn giáo của Đảng đối với đồng bào Khmer

Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách phù hợp để tập hợp lực lượng làm nên thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đi vào sự nghiệp đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng quan tâm hơn đến việc củng cố, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Riêng đối với đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long, mỗi thời kỳ cách mạng Đảng và Nhà nước ta đều có những chính sách cụ thể, thể hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Vì thế, Đảng và nhà nước đã có chính sách chung về vấn đề dân tộc, tôn giáo như: Chỉ thị 16/CT (13-5-1978) của Bộ giáo dục về công tác giáo dục vùng đồng bào Khmer; Nghị quyết số 22 và 23 (27-11-1989) của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Quyết định số 72 (03-3-1990) của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Nghị quyết số 24 (16-10-1990) của Bộ chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới; Nghị quyết số 69 (21-3-1991) của Hội đồng Bộ trưởng quy định về các hoạt động của tôn giáo; Chương trình 135-1998QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ về chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa;... Các văn kiện đại hội VIII (6-1996), đại hội IX (4 -2001), đại hội X (4 -2006), đặc biệt là hội nghị lần thứ 7 khoá IX (1 -2003) của Đảng đã ra những nghị quyết chuyên đề về công tác dân tộc, tôn giáo. Cùng với những chính sách chung, Ban Bí Thư đã ra chỉ thị số 68-CT/TW (18-4-1991) về công tác dân tộc ở vùng đồng bào Khmer. Nghị quyết khẳng định 3 vấn đề lớn đối với đồng bào Khmer: *Một*, xác định chính sách và việc thực hiện chính sách đối với đồng bào Khmer phải đặc biệt quan tâm chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, giúp đồng bào Khmer hội nhập với sự phát triển chung của khu vực và đất nước. *Hai*, tôn trọng quyền tự do, tín ngưỡng tôn giáo của đồng bào; bảo vệ chùa chiền, sư sãi, phong tục tập quán của đồng bào Khmer; tạo điều kiện cho các sinh hoạt của Phật giáo Nam tông được diễn ra thuận lợi; phát huy vai trò của nhà chùa, của sư sãi và phật tử yêu nước; bảo tồn và phát huy những di sản văn hoá, những giá trị truyền thống tốt đẹp, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. *Ba*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh chống âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc chống phá cách mạng.

Nhìn chung, các nghị quyết trên tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết đối với đồng bào Khmer về tín ngưỡng tôn giáo, khẳng định quyền tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ pháp luật, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào, chú trọng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào có đạo đảm bảo đồng bào sống “tốt đời, đẹp đạo”, đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp đổi mới.

Thực hiện nghị quyết trên, Đảng và Nhà nước đã có những quyết định cụ thể như: Cho phép các chùa Khmer có mẫu dấu thống nhất và mỗi chùa đều có con dấu để tiện cho việc sinh hoạt và quản lý con người, tài sản của các chùa; thỏa thuận với Campuchia cho nhập, dịch kinh sách và phát cho các chùa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tu học của các sư tăng, đồng ý cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp chứng điệp cho các sư tăng Khmer, hỗ trợ kinh phí cho các điểm chùa Khmer có lớp học, trang bị sách, vở, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong các điểm chùa; hỗ trợ kinh phí và cấp đất cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông tại thành phố Cần Thơ. Đảng bộ và chính quyền các địa phương đã đề ra các chương trình hành động, chỉ thị, nghị quyết nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng như: Nghị quyết 01 của tỉnh Ủy Trà Vinh về công tác dân tộc trong vùng Khmer và kế hoạch hành động số 04 (1991), Đề án số 01 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về hỗ trợ nhà ở đối với hộ cực nghèo vùng đồng bào Khmer và chương trình hành động số 17-CT/TU (09-6-2003) về thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ bảy khóa IX ... Đồng thời Đảng bộ các địa phương cũng tiến hành điều tra, khảo sát đề nghị Nhà nước công nhận các chùa di tích lịch sử, di tích văn hóa, khen thưởng các sư tăng Khmer có công với cách mạng, với đất nước.

2.3 Những chuyển biến tích cực và tồn tại trong đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer

2.3.1 Những chuyển biến tích cực

Với những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, đã làm tăng thêm sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông đã đoàn kết, đồng tâm nhất trí cùng nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hoá đất nước.

Đến nay, ở các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang 100% số xã vùng đồng bào dân tộc Khmer đã có đường giao thông liên xã, điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Nhiều công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất trong vùng đồng bào Khmer được xây dựng như: trạm điện Sóc Trăng, kênh thủy lợi Kiên Giang, công trình thủy lợi đầu mối Đa Hòa I, II, III, đập Lưu Cừ, hệ thống kênh dẫn nước ngọt Đông, Tây Tâm Phương ở Trà Vinh, hồ chứa nước An Giang v.v.. Tại vùng đồng bào Khmer được miễn thuế nông nghiệp, được vay vốn với nhiều ưu đãi hoặc được mượn vốn để sản xuất. Chính quyền các địa phương còn đầu tư giống cây con và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho đồng bào. Các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ cho đồng bào cũng ngày càng phát triển.

Tại nhiều địa phương có đông đồng bào Khmer, nhà chùa đã phát huy tốt vai trò tập hợp và vận động quần chúng thông qua việc trang bị máy thu hình để chùa sử

dụng làm phương tiện phục vụ cho sinh hoạt văn hóa của Phum, góp phần nâng cao dân trí và tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đồng bào. Nhiều chùa Phật giáo còn tích cực tham gia vào công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học cho con em đồng bào, hướng dẫn nếp sống văn hóa mới và hướng dẫn tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp cho đồng bào. Các trung tâm văn hóa như: bảo tàng Khmer, chùa chiền, nhà văn hóa... ở một số địa phương có đông đồng bào sinh sống đã được quan tâm đầu tư tôn tạo, sửa chữa, xây dựng. Các điệu nhạc cổ vốn là loại hình văn hóa truyền thống của người Khmer như: Râm vòng, Phách lầy, Peak Brambei, Khan Bram ... được xây dựng thành kịch bản như Rôbam và Yukê để duy trì và phát huy bản sắc. Đến nay đời sống của đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông đồng bằng sông Cửu Long đã có những cải thiện rõ rệt trên mọi lĩnh vực. Nhiều chương trình, dự án về kinh tế - xã hội đã và đang tiếp tục được thực hiện, kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn ngày càng phát triển. Đời sống của đồng bào Khmer ngày càng được nâng cao; số hộ giàu, khá ngày càng tăng, số hộ nghèo ngày càng giảm. Công tác phát triển đảng viên, cán bộ người Khmer được các địa phương đặc biệt quan tâm. Đồng bằng sông Cửu Long hiện có gần 6000 đảng viên người Khmer. Số lượng đảng viên là người Khmer tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2005-2006, có 1 ủy viên BCH khoá IX, 2 UVBCHW, 6 UVBCHTU, 51 UVBCH cấp huyện, thị và 526 UVBCH Đảng ủy cơ sở. Số lượng cán bộ, đảng viên người Khmer được cơ cấu trong hệ thống chính trị các cấp tăng dần qua các nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ 1999-2004, có 9 đại biểu quốc hội khoá IX, 1488 đại biểu hội đồng nhân dân các cấp là người Khmer. Nhiệm kỳ 2004-2009, số đại biểu hội đồng nhân dân các cấp là người Khmer tăng 2685 người. Hiện có trên 8000 cán bộ công chức người Khmer.

Việc tu học của các sư tăng và các sinh hoạt tôn giáo của sư sãi và tín đồ Phật giáo Nam tông Khmer luôn được chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi. Số lượng tăng sinh theo học các lớp Pali – Khmer tại trường trung cấp Pali Nam bộ, Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và du học nước ngoài như: Campuchia, Mianma, Sirilanca tăng lên qua các năm. Công tác xây dựng và trùng tu một số chùa là di tích cách mạng cũng được chính quyền các địa phương quan tâm hỗ trợ. Chính quyền và các đoàn thể tại các địa phương thường xuyên thăm hỏi, tặng quà động viên các sư sãi Phật giáo khi ốm đau hoặc các dịp lễ, tết.

Những thành tựu nổi bật trong việc thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước nêu trên làm tăng thêm niềm tin của đồng bào Phật giáo Khmer vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Có thể nói, những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer trên các lĩnh vực không những góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà còn tạo ra động lực lớn để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, vùng đồng bào Khmer Tây Nam Bộ nói riêng.

2.3.2 Những tồn tại

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, việc thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo ở khu vực đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long cũng còn bất cập, yếu kém.

Đời sống của đồng bào Khmer còn nhiều khó khăn: Thiếu đất sản xuất và phân hóa xã hội ngày càng gay gắt; thiếu nước ngọt và vốn sản xuất; việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều bất cập; kinh tế hàng hóa chưa phát triển; chuyên dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm; nhà ở thiếu kiên cố; tình trạng mù chữ và tái mù chữ vẫn còn khá cao; đội ngũ giáo viên còn hạn chế về số lượng và chất lượng; nét sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo còn khá nhiều hủ tục nặng nề, rườm rà, tốn kém, gây lãng phí thời gian và công sức của đồng bào;...

Các thế lực thù địch vẫn không ngừng phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, trong đó, vấn đề dân tộc - tôn giáo tại vùng đồng bào Khmer đồng bằng sông Cửu Long là một trong những điểm nhắm đến quan trọng trong chiến lược “*Diễn biến hòa bình*” để kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tư tưởng ly khai trong cộng đồng Khmer gây chia rẽ giữa người Khmer với người Kinh.

Hơn nữa, một bộ phận đảng viên thoái hóa, biến chất, có biểu hiện tiêu cực trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án kinh tế - xã hội đã gây ảnh hưởng xấu đến hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo.

3 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đối với đồng bào Khmer, việc giải quyết tốt vấn đề tín ngưỡng tôn giáo cũng là một nội dung quan trọng trong chiến lược củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa cộng đồng người Khmer và các dân tộc khác vì một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Những chính sách đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước trong những năm qua cùng với những chuyển biến tích cực trong đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer đã minh chứng rất rõ điều đó.

Để tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo ở vùng đồng bào Khmer, trong thời gian tới cần phải:

- *Thứ nhất*, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức quốc gia dân tộc cho chức sắc, tín đồ Phật giáo Khmer Nam tông cũng như cho cán bộ và nhân dân về chủ quyền quốc gia và mối quan hệ đoàn kết Kinh – Khmer anh em.
- *Thứ hai*, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer, đặc biệt là cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo. Tuyển chọn những cán bộ, chức sắc có “đức cao, vọng trọng” và có uy tín trước đồng bào.
- *Thứ ba*, đầu tư mạnh mẽ hơn vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông.
- *Thứ tư*, thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào; giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo của đồng bào, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho sinh hoạt tôn giáo diễn ra bình thường trong khuôn khổ pháp luật.
- *Thứ năm*, đầu tư tôn tạo các di tích, chùa chiền; bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp cho đồng bào dân tộc và khuyến khích

đồng bào hạn chế, xóa bỏ những hủ tục, tiêu cực để hòa nhập vào xu thế phát triển chung của đất nước và thời đại.

- *Thứ sáu*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác dân tộc – tôn giáo ở vùng đồng bào Khmer; kịp thời phát hiện, vạch trần và đập tan âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch đối với khối đại đoàn kết dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan An (1991), vấn đề dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long, NXB, KHXH, HN
Ban bí thư (1991), Chỉ thị số 68 CT/TW ngày 18-4-1991, về công tác ở vùng đồng bào Khmer.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXBST,HN.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXBST,HN.
- Đảng cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, NXBCTQG, HN.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXBCTQG,HN.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết hội nghị lần thứ 7, khoá IX, về công tác tôn giáo, NXBCTQG, HN.
- Tỉnh ủy Cần Thơ (1995), Báo cáo số 33 BC/TW ngày 10-11-1993, tình hình triển khai thực hiện chỉ thị 68 CT/TW của Ban Bí Thư Trung ương Đảng về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer.
- Tỉnh ủy Kiên Giang (2006), Văn kiện đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII (2005-2010), lưu hành nội bộ.
- Tỉnh ủy An Giang (2006), Văn kiện đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII (2005-2010), lưu hành nội bộ.
- Tỉnh ủy Trà Vinh (2006), Văn kiện đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII (2005-2010), lưu hành nội bộ.
- Tỉnh ủy Sóc Trăng (2006), Văn kiện đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XI (2005-2010), lưu hành nội bộ.
- Tỉnh ủy Vĩnh Long (2006), Văn kiện đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII (2005-2010), lưu hành nội bộ.